

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 630/2025/HSPT

Ngày: 15/07/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú

+ Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Thanh Huyền

Bà Chữ Phương Ngọc

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Từ Khánh Duy - Thư ký Toà án,
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 503/2024/HSPT ngày 03/6/2025 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HSST ngày 22/04/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị kháng nghị:

Phan Văn T (tên gọi khác : Không) sinh năm 1996 tại thành phố Hà Nội; Giới tính : Nam ; ĐKNKTT : thôn M, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội ;
Chỗ ở hiện nay : thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do;
Trình độ văn hóa: 12/12; Họ và tên bố : Phan Văn C, sinh năm 1975 ; Họ và tên mẹ : Phan Thị Thu H, sinh năm 1978 ; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất ; Tiền án tiền sự: Không ; D chỉ bản số 592 lập ngày 04/10/2024; Bị cáo bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án có: Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 2002, trú tại: Đ, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội; Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 2000, trú tại: Thôn D, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội; Chị Hoàng Thị D1, sinh năm 2001, trú tại: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái; Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978, trú tại: Số A B, phố V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; Chị Lê Thanh H1, sinh năm 1991, trú tại: thôn D, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Chị Lê Diệu T3, sinh năm 1973, trú tại: phường V, quận H, thành phố Hà Nội; Chị Bùi Thị Thanh H2, sinh năm 1986, trú tại: Xóm B, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Chị Lưu Thị H3, sinh năm 1977; trú tại: P, tòa H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Chị Nguyễn Thị D2, sinh năm 1985, trú tại:

thôn T, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội; Chị Nguyễn Thị Huyền M, sinh năm 1981, trú tại: tổ A, phường B, quận L, thành phố Hà Nội; Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Chị Đoàn Quốc Nhật A, sinh năm 2002, HKTT: Đội 3, thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, trú tại: Tổ H, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thì vụ án có nội dung như sau:

Do bản thân không có công ăn việc làm ổn định, không có tiền chi tiêu hàng ngày nên Phan Văn T đã nảy sinh ý định giả làm nhân viên giao hàng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền sinh hoạt hàng ngày. T sử dụng tài khoản Facebook “*Trần T4*” tìm kiếm nội dung về việc mua bán data dữ liệu của khách hàng tại các ngân hàng và mua được với giá 1.000.000 đồng. Khoảng tháng 03/2024, sau khi mua được dữ liệu của khách hàng, T lên mạng xã hội Facebook và mua của tài khoản tên “*Nguyễn V*” (có CCCD mang tên Nguyễn Tiến K) 01 tài khoản ngân hàng số 103881219692, chủ tài khoản NGUYEN TIEN KHANH tại ngân hàng TMCP C1 (viết tắt là V1) với giá 1.200.000 đồng, được đăng ký bởi số điện thoại 0342.791.041 và liên kết với tài khoản tại ứng dụng Momo cũng bằng số điện thoại trên. T và K giao dịch mua bán số tài khoản trực tiếp bằng tiền mặt. Sau khi có được dữ liệu của khách hàng và tài khoản ngân hàng, T gọi điện lần lượt cho từng số điện thoại có trong danh sách. Khi gọi đến các số điện thoại trên, T giả là nhân viên giao hàng của V, thông báo có đơn hàng gửi đến nhà của các khách hàng, nếu khách hàng trả lời là có thể nhận hàng ngay thì T sẽ tắt máy còn nếu khách hàng trả lời không thể nhận hàng ngay thì T sẽ nói với khách hàng để bưu kiện hàng vào nhà, yêu cầu khách hàng chuyển tiền hàng vào tài khoản số 103881219692, chủ tài khoản NGUYEN TIEN KHANH tại V1 cho T. Trên thực tế T không có đơn hàng nào giao cho khách hàng. Sau khi nhận được tiền, T sẽ chặn luôn số điện thoại đó đồng thời chuyển tiền từ tài khoản Momo Nguyễn Tiến K (liên kết với số tài khoản V1) sang tài khoản Momo của T được đăng ký bằng số điện thoại 0917.489.998 mang tên Phan Văn T (liên kết với tài khoản ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là BIDV số I) và tiếp tục chuyển sang tài khoản Momo đăng ký bằng số điện thoại 0917.009.998 của chị Đoàn Quốc Nhật A (sinh năm: 2002, địa chỉ: Đ thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội) là người yêu của T. Sau đó T rút tiền và chi tiêu cá nhân hết. Trong thời gian từ ngày 04/03/2024 đến ngày 08/05/2024, dựa trên danh sách khách hàng đã mua được, hàng ngày T sử dụng điện thoại cá nhân gọi lần lượt các khách hàng có trong danh sách nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó có khoảng 261 người đã chuyển khoản tiền đến số tài khoản 103881219692, chủ tài khoản NGUYEN TIEN KHANH tại V1.

Trong số đó, Cơ quan Điều tra đã xác định và làm rõ được 10 người bị hại bị Phan Văn T lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 2.974.000 đồng cụ thể như sau:

- Ngày 23/03/2024, T gọi điện cho chị Nguyễn Thị Kim O (sinh năm: 2002, địa chỉ: xã D, huyện H, thành phố Hà Nội) thông báo chị O có 01 đơn hàng Shopee trị giá 110.000 đồng. Do thường xuyên đặt hàng online nên chị O nghĩ là đơn hàng của mình đặt nên chị O đã chuyển khoản số tiền 110.000 đồng từ số tài khoản 19037218334018 của chị O tại ngân hàng TMCP K1 (viết tắt là T5) đến số tài khoản 103881219692, chủ tài khoản Nguyễn Tiến K tại V1. Sau khi chuyển khoản, chị O không nhận được bất kỳ đơn hàng nào nên đã kiểm tra lại thì phát hiện không có đơn hàng nào phải thanh toán số tiền 110.000 đồng. Biết mình bị lừa nên chị O đã đến Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao Công an thành phố H trình báo sự việc.

- Ngày 13/03/2024, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T1 (sinh năm: 2000, địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội) số tiền 125.000 đồng.

- Ngày 29/03/2024, chiếm đoạt của chị Hoàng Thị D1 (sinh năm: 2001, địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái) số tiền 89.000 đồng.

- Ngày 01/04/2024, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T2 (sinh năm: 1978, địa chỉ: phố V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội) số tiền 100.000 đồng.

- Ngày 05/04/2024, chiếm đoạt của chị Lê Thanh H1 (sinh năm: 1991, địa chỉ: xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội) số tiền 350.000 đồng.

- Ngày 08/04/2024, chiếm đoạt của chị Lê Diệu T3 (sinh năm: 1973, địa chỉ: phường V, quận H, thành phố Hà Nội) số tiền 310.000 đồng.

- Ngày 10/04/2024, chiếm đoạt của chị Bùi Thị Thanh H2 (sinh năm: 1986, địa chỉ: xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình) số tiền 350.000 đồng.

- Ngày 14/04/2024, chiếm đoạt của chị Lưu Thị H3 (sinh năm: 1977, địa chỉ: khu L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội) tổng số tiền 585.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị D2 (sinh năm: 1985, địa chỉ: xã D, huyện T, thành phố Hà Nội) số tiền 350.000 đồng.

- Ngày 15/04/2024, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Huyền M (sinh năm: 1981, địa chỉ: phường B, quận L, thành phố Hà Nội) tổng số tiền 605.000 đồng.

Cùng với thủ đoạn trên, Phan Văn T đã chiếm đoạt của khoảng 200 người khác với số tiền khoảng 30.000.000 đồng, Cơ quan Điều tra đã tiến hành xác minh nhân thân và đăng thông tin thông báo các người bị hại đến trình báo liên quan đến hành vi phạm tội của T tuy nhiên hết thời hạn điều tra chưa làm rõ được.

Ngày 27/09/2024, Phan Văn T đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. T khai nhận do bản thân không có việc làm nên hàng ngày phải thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên làm nguồn sống chính. Hàng ngày, theo danh sách đã mua T lần lượt gọi đến số điện thoại của khách hàng để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Do chiếm đoạt của nhiều người và mỗi lần chiếm đoạt số tiền khác nhau nên T không nhớ cụ thể đã chiếm đoạt tiền của bao nhiêu người và chiếm đoạt tổng cộng bao nhiêu tiền. T khai nhận, việc mua bán tài khoản ngân hàng và

thực hiện hành vi lừa đảo, T không bàn bạc với ai, Nhật A không biết hành vi phạm tội của T.

Đối với đối tượng Nguyễn Tiến K, quá trình điều tra xác định K hiện không có mặt tại nơi cư trú nên chưa triệu tập được K để lấy lời khai.

Đối với chị Đoàn Quốc Nhật A, T và chị Nhật A khai chị Nhật A chỉ đứng tên đăng ký chính chủ hộ T số điện thoại 0917.489.998 chứ không biết về hành vi phạm tội của T nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T tiến hành xác minh tại các Ngân hàng và các địa phương trên cả nước nhưng chưa xác định được hết các người bị hại đã chuyển khoản vào tài khoản số 103881219692 của Nguyễn Tiến K tại V1.

Do thời hạn điều tra đã hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T ra Quyết định tách hành vi và tài liệu đối với phần tài liệu liên quan đến đối tượng Nguyễn Tiến K và các bị hại để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S21 Ultra 5G có số IMEI1: 35063580191913, số IMEI2: 358425140191914 và 02 thẻ phôi sim điện thoại Vinaphone thu giữ của Phan Văn T; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S23 Ultra có số IMEI1: 357822616002487, số IMEI2: 358710716002482 thu giữ của chị Đoàn Quốc Nhật A, quá trình điều tra xác định những đồ vật, tài sản trên đều được sử dụng vào việc phạm tội nên cần phải tiếp tục tạm giữ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về phần dân sự: do số tiền bị Phan Văn T chiếm đoạt không quá lớn nên các bị hại chị Nguyễn Thị T1, chị Bùi Thị Thanh H2, chị Hoàng Thị D1, chị Nguyễn Thị Kim O, chị Nguyễn Thị Huyền M, chị Nguyễn Thị D2, chị Lưu Thị H3, chị Lê Diệu T3, chị Lê Thanh H1, chị Nguyễn Thị T2 không có yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HSST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự ;

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2024.

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyết định khác về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, những người bị hại.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSHN ngày 20/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm để xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội còn trong thời hạn và đúng chủ thể nên đề nghị chấp nhận xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” là không đúng theo hướng dẫn tại mục 5.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Toà án nhân dân tối cao. Các lần chiếm đoạt tài sản của người bị hại đều không đủ cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không đủ dấu hiệu phạm tội từ 05 lần trở lên, số tiền chiếm đoạt của 10 người bị hại là 2.974.000 đồng chỉ được coi là tình tiết định tội. Cấp sơ thẩm không xác định bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng lại xác định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không đúng. Vì vậy, cần xác định bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 73/2024/HSST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.*”

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phan Văn T từ 15 – 18 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong thời hạn và đúng về chủ thể kháng nghị nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thì thấy:

Do không có công ăn việc làm ổn định, không có tiền tiêu sài hàng ngày và lợi dụng tâm lý chủ quan của người tiêu dùng khi đặt hàng online qua mạng nên Phan Văn T đã lên kế hoạch thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách tìm mua dữ liệu thông tin khách hàng từ các giao dịch trái phép trên mạng xã hội, đồng thời mua một tài khoản ngân hàng đứng tên người khác để nhận tiền lừa đảo. Sau khi có thông tin khách hàng, hàng ngày trong khoảng thời gian từ 04/03/2024 đến ngày 08/05/2024, Phan Văn T liên tục giả làm nhân viên giao hàng Viettel Post, gọi điện thông báo cho các bị hại có đơn hàng cần giao. Khi bị hại không thể nhận hàng ngay thì T viện lý do sẽ gửi hàng vào nhà và yêu cầu chuyển khoản trước, thực tế T không có bất kỳ đơn hàng nào để giao cho khách. Sau khi nhận được tiền, T nhanh chóng chuyển qua nhiều tài khoản trung gian nhằm che giấu nguồn gốc dòng tiền rồi rút ra tiêu xài cá nhân.

Trong vụ án này, xác định bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của 10 người bị hại với tổng số tiền chiếm đoạt là 2.974.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” là chưa phù hợp với hướng dẫn tại mục 5.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Số tiền chiếm đoạt của mỗi người bị hại đều dưới 2.000.000 đồng, không đủ cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa đủ dấu hiệu 05 lần phạm tội trở lên. Tại thời điểm phạm tội bị cáo cũng có nghề nghiệp, việc nhận định bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là nguồn sống chính là chưa thoả mãn. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có căn cứ nên được chấp nhận. Với nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho hành vi phạm tội của bị cáo như: Bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải để áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự ; bị cáo đầu thú tại cơ quan điều tra nên áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, còn có thể xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về án phí: Do bị cáo được chấp nhận kháng nghị nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HSST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1.1- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

1.2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt: khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phan Văn T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2024.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136- Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA Tp Hà Nội.
- VKSND, Chi cục THADS, TAND khu vực 11, TP Hà Nội.
- VKSND TP Hà Nội;
- Bị cáo; Người BH
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS,VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú